

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03.6.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yên Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trịnh Thị Kim Quyên**

2. Bà **Trần Ánh Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Dương Hải L**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thảo C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp Bà Chủ, xã T, huyện C, tỉnh L An

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Dương Hải L trình bày như sau: Anh và chị C cưới nhau vào tháng 4/2010, hôn nhân do tự nguyện, có Đ ký kết hôn ngày 29/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5/2011 chị C về thăm nhà cha mẹ ruột thì ở luôn không chịu quay về chứ giữa vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì. Anh có đến rước nhiều lần nhưng chị C vẫn không chịu quay về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Sau đó anh có lui tới thăm nom vợ con nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng không còn liên lạc nữa và sống ly thân luôn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/9/2010 hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn anh L yêu cầu để chị C tiếp tục nuôi con và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về Ca tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị Thảo C nhưng chị C không đến tham dự phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Lê Dương Hải L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo C là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Anh L và chị C cưới nhau có Đ ký kết hôn ngày 29/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa anh L yêu cầu được ly hôn với chị C vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm cũng không còn.

[2.3] Xét thấy chị Nguyễn Thị Thảo C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa từ đó cho thấy chị C không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với anh L để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống, hơn nữa vợ chồng anh L và chị C sống ly thân đã lâu tình cảm cũng không còn do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lê Dương Hải L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo C.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/9/2010, hiện đang sống với chị C. Anh L yêu cầu để chị C tiếp tục nuôi con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy cháu Đ hiện đang sống ổn định với chị C và cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, chị C cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L để chị C tiếp tục nuôi con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Lê Dương Hải L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Dương Hải L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo C.

2. Về nuôi con chung: Chị C được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/9/2010 và anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Lê Dương Hải L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008295 ngày 26/02/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện C, anh L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành Viên
Hội Đồng Xét Xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh

